

MIRAE

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Trụ sở chính:

Khu phố 1B, Phường An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0650 3791038

Fax: 0650 3791037

Website : www.miraejsc.com.

Chi nhánh Hưng Yên :

Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3974 170

Fax: 0321 974 172

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2012

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG:	3
1.	Thông tin khái quát :	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển:	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	5
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	5
5.	Định hướng phát triển:	7
6.	Các rủi ro:	7
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	8
2.	Tổ chức và nhân sự:	9
3.	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:	15
4.	Tình hình tài chính:	15
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	16
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	17
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	17
2.	Tình hình tài chính:	19
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	20
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai:	20
5.	Giải trình của Ban Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)	21
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	21
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	21
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	21
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	21
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
1.	Hội đồng quản trị:	22
2.	Ban kiểm soát:	22
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát ²³	
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	24
1.	Ý kiến kiểm toán:	24
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán	25

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát :**

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Mirae**
- Giấy chứng nhận đầu tư số : 461033000152 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 06/07/2007 , cấp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 06/11/2012.
- Vốn điều lệ: 343.982.220.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 343.982.220.000 đồng
- Địa chỉ: Khu Phố 1B, Phường An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại: 0650 3791 038 Số fax: 0650 3791 037
- Website: www.miraejsc.com
- Mã cổ phiếu: KMR

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- *Thành lập:*
 - Công ty Cổ phần Mirae tiền thân là Công ty TNHH Mirae Fiber VN, chính thức thành lập ngày 15/11/2001. Công ty TNHH Mirae Fiber VN có chủ đầu tư là Công ty TNHH Mirae Fiber Technology Co., Ltd. Điềm qua quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Mirae có các cột mốc đáng nhớ như sau:
 - Ngày 15/11/2001, Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Bình Dương được thành lập lấy tên là Công ty TNHH Mirae Fiber VN theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD với mức vốn đầu tư đăng ký là 950.000 đôla Mỹ, vốn pháp định là 650.000 đô la Mỹ, thời hạn hoạt động là 44 năm;
 - Ngày 20/02/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 1.900.000 đôla Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC1-KCN-BD, vốn pháp định là 950.000 đô la Mỹ;
 - Ngày 18/06/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 2.050.000 đôla Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC2-KCN-BD. Vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;
 - Ngày 23/06/2003, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 3.500.000 đôla Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GPĐC3-KCN-BD, vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;
 - Ngày 25/11/2004, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc thay đổi giấy phép đầu tư số 130B/GP-KCN-BD về việc điều chỉnh vốn đầu tư, theo đó vốn đầu tư đăng ký mới là 8.182.370 đôla Mỹ, vốn pháp định là: 2.500.000 đô la Mỹ;
 - Ngày 10/12/2004, Chi nhánh của Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Hưng Yên tách ra hoạt động độc lập theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD-GPĐC1-HY;
 - Ngày 29/11/2005, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp giấy phép điều chỉnh số 130B/GPĐC2 -KCN-BD với vốn đầu tư là 10.282.370 đô la Mỹ, Vốn pháp định là 3.760.000 đô la Mỹ;
- *Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần:*

- Theo tinh thần của Nghị định 101/2006/NĐ-CP ban hành ngày 21/09/2006 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty TNHH Mirae Fiber VN đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động. Ngày 06/07/2007, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 do UBND Tỉnh Bình Dương chuẩn y việc chuyển nhượng vốn và thành lập công ty cổ phần với mức vốn điều lệ đăng ký là 116.820.660.000 đồng, tương đương 7.260.000 đô la Mỹ. Và hình thức chuyển đổi là “Giữ nguyên giá trị doanh nghiệp và bán một phần vốn của chủ đầu tư”. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 06/07/2007.
 - Ngày 28/11/2007, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ nhất giấy phép đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tương đương 8.260.000 đô la Mỹ.
 - Ngày 26/12/2008, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ ba giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tương đương 8.260.000 đô la Mỹ.
 - Ngày 26/01/2010, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ tư giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 273.041.890.000 đồng, tương đương 16.968.609 đô la Mỹ.
 - Ngày 08/09/2010, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ năm giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 324.511.870.000 đồng, tương đương 20.167.290 đô la Mỹ.
 - Ngày 15 tháng 03 năm 2011, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ sáu giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 do thay đổi địa chỉ trụ sở chính do Nhà nước thay đổi tên gọi hành chính.
 - Ngày 06 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chứng nhận thay đổi lần thứ bảy giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 với vốn điều lệ đăng ký là 343.982.220.000 đồng, tương đương 21.102.106 đô la Mỹ.
- *Niêm yết:*
- Ngày 30/06/2008, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mirae đã chính thức giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã KMR. Số lượng cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là 7.236.850 cổ phần, tương đương trị giá là 72.368.500.000 đồng. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 60.000 đồng/cổ phiếu.
- *Hợp nhất với Công ty cổ phần Mirae Fiber:*
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc hợp nhất kinh doanh với Công ty Cổ phần Mirae Fiber thông qua nghiệp vụ hoán đổi cổ phiếu để sở hữu 100% giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ Phần Mirae Fiber. Công ty đã phát hành thêm 14.017.123 cổ phiếu cho việc hợp nhất kinh doanh này, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 273.041.890.000 đồng.
- *Niêm yết bổ sung:*

- Ngày 12 tháng 02 năm 2010, 14.017.123 cổ phiếu phát hành thêm do hợp nhất với Công ty cổ phần Mirae Fiber đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 21.253.973 cổ phiếu.
- Ngày 06/08/2010, 4.076.111 cổ phiếu thưởng phát hành cho cổ đông hiện hữu theo Thông báo số 519/TB-SGDHCM, đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 25.330.084 cổ phiếu.
- Ngày 03/08/2012, 1.519.770 cổ phiếu thưởng phát hành cho cổ đông hiện hữu theo Thông báo số 562/2012/TB-SGDHCM đã được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 26.849.854 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

– *Ngành nghề kinh doanh*

- Sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn, tấm chằng gòn, gòn kim, vải địa kỹ thuật nguyên phụ liệu may mặc;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh túi ngủ, chăn, khăn trải giường, gối, nệm;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Lắp ráp máy móc thiết bị các loại làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm, lò xo, máy thêu;
- Sản xuất nệm lò xo;
- Thực hiện quyền nhập khẩu nệm lò xo và máy móc thiết bị làm gòn, nệm, chằng gòn, nệm lò xo.

– *Địa bàn kinh doanh:*

Sản phẩm của Công ty được sản xuất tại 2 nhà máy ở Bình Dương và Hưng Yên và được cung cấp trên toàn quốc và xuất khẩu đến các thị trường may mặc lớn của Việt Nam như Hàn Quốc, Châu Âu và Mỹ.

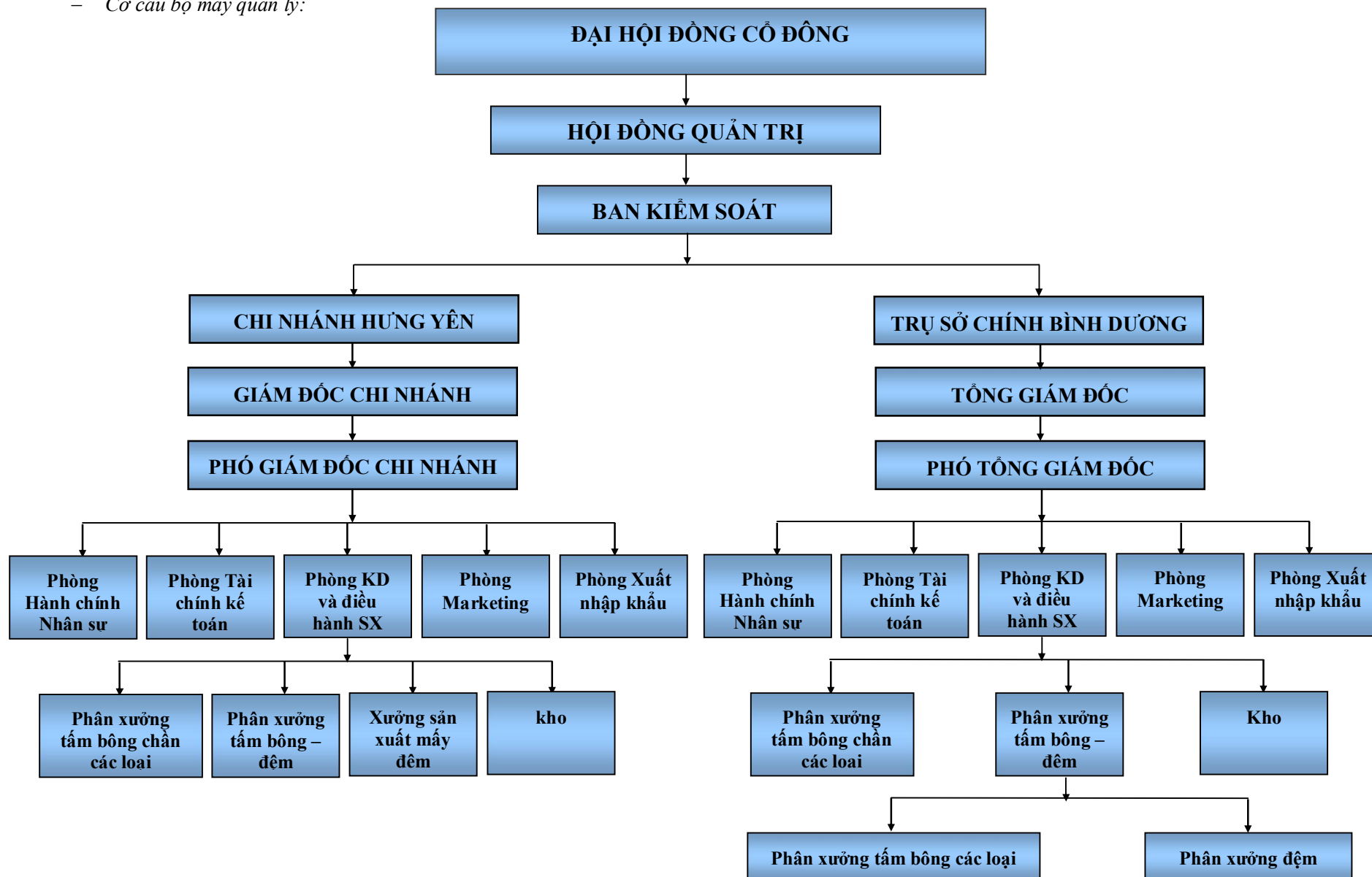
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

– *Mô hình quản trị:*

Công ty hoạt động theo mô hình quản trị của một công ty cổ phần đại chúng theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng Khoán bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban giám đốc
- Các cán bộ quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết : không có

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trải qua quá trình 10 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Mirae đã dần khẳng định được vị trí của mình trong ngành sản xuất nguyên vật liệu cung ứng cho ngành may mặc. Từ vị thế là một chi nhánh của Công ty cổ phần Mirae Fiber Tech của Hàn Quốc tại Việt Nam, chỉ sản xuất theo các đơn hàng cung cấp nguyên liệu gòn của Công ty mẹ, đến nay, Công ty đã trở thành một công ty độc lập, là một trong những nhà cung cấp nguyên liệu gòn lớn nhất cho ngành may mặc Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang các nước khác. Hơn nữa, tận dụng các lợi thế nguyên phụ liệu đầu vào, Công ty đã bắt đầu phát triển ngành hàng chăn, ga, gối, đệm từ năm 2008.

Sau khi hoàn thiện việc sáp nhập với Công ty cổ phần Mirae Fiber tại tỉnh Hưng Yên ở Phía Bắc, Công ty trở thành công ty hàng đầu cung cấp sản phẩm padding lớn nhất Việt Nam. Với qui mô hoạt động mở rộng và các nguồn lực dồi dào, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn đề ra các mục tiêu phát triển cao hơn để đưa Mirae trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong mọi ngành nghề hoạt động của Công ty, bao gồm không chỉ có ngành chủ lực là sản xuất gòn, mà còn cả các ngành sản xuất chăn, ga, gối, đệm và đặc biệt là ngành sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp bông sợi cho các nhà máy sản xuất đệm và tấm bông nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát huy ngành hàng chủ lực là tấm bông, giữ vững vị trí hàng đầu về thị phần tại Việt Nam và tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước Đông Á.
- Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu Vivabon, xâm nhập thị trường chăn, ga, gối tại khu vực miền trung và miền bắc.
- Đẩy mạnh sản xuất, lắp ráp và bán máy chân gòn.
- Thành lập chi nhánh kinh doanh chăn, ga, gối và bông sợi tại Mỹ.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích của cộng đồng thông qua các hoạt động như:

- Đầu tư cải tiến công nghệ , xây dựng và đảm bảo chất lượng hệ thống xử lý nước thải , giữ gìn môi trường làm việc sạch sẽ, hiện đại cho công nhân viên và bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư nơi nhà máy hoạt động .
- Tổ chức, hỗ trợ và tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên của Công ty thực hiện các công tác xã hội và công tác từ thiện.
- Các lãnh đạo người Hàn Quốc của Công ty cũng giúp kêu gọi sự quan tâm, giúp đỡ cho các tổ chức từ thiện từ phía các đối tác, các tổ chức nhân đạo tại Hàn Quốc.

6. Các rủi ro:

- Nhu cầu nhập khẩu của các thị trường may mặc lớn như Mỹ, Nhật, Châu Âu vẫn chưa tăng. Đơn hàng của các doanh nghiệp dệt may trong nước sẽ nhỏ, giá cả lại cạnh tranh quyết liệt. Do vậy nhu cầu nguyên liệu có thể sẽ giảm đáng kể.
- Các chi phí đều tăng từ giá điện, vận chuyển, nguyên phụ liệu, đến chi phí đóng bảo hiểm xã hội cũng tăng. Đời sống người lao động khó khăn, Công ty sẽ phải cố gắng không giảm lương để đảm bảo nhân sự cho Công ty.

- Nhu cầu đầu tư máy móc thiết bị của các doanh nghiệp dệt may cũng khó có thể tăng .
- Việc huy động vốn ngày càng khó khăn, nhất là các nguồn vốn vay từ ngân hàng, chi phí tài chính cao... là yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng tới các mặt hoạt động của Công ty.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

– *Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:*

- Doanh thu theo các nhóm sản phẩm của Công ty trong năm 2012:

Stt	Nhóm sản phẩm	Doanh thu (đồng)
1	Tấm bông (padding)	231,785,847,195
2	Tấm chăn (quilting)	61,968,634,879
3	Chăn, ra, gối ..(bedding)	15,974,969,497
4	Nệm lò xo (spring mattress)	6,390,249,704
5	Máy móc thiết bị (machine)	20,376,519,284
6	Khác (others)	11,576,635,793
	Tổng cộng	348,072,856,352

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012:

Stt	Khoản mục	Năm 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	349,395,191,576
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,322,335,224
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	348,072,856,352
4	Giá vốn hàng bán	279,613,568,239
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	68,459,288,113
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8,514,402,772
7	Chi phí tài chính	25,668,018,083
8	Chi phí bán hàng	23,200,062,441
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26,266,065,991
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,839,544,370
11	Thu nhập khác	1,518,191,035
12	Chi phí khác	1,157,762,807
13	Lợi nhuận khác	360,428,228
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,199,972,598
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,184,190,038
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1,042,209,791)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,513,178,305
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	102

Doanh thu năm 2012 đạt 68.78% so với kế hoạch và giảm 3.7% so với năm 2011, lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 6.00% so với kế hoạch và giảm 10.26% so với năm 2011 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu giảm so với năm 2012 là do: năm 2012, nền kinh tế thế giới cũng như trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là thị trường tiêu thụ trong nước đối với mặt hàng chăn, ra, gối, nệm cao cấp bị giảm nhiều, cũng như các doanh nghiệp cùng ngành khác, doanh thu bán mặt hàng chăn, ra, gối, nệm của doanh nghiệp cũng bị giảm 10 tỷ đồng tương đương 31% so với năm 2011. Doanh thu của doanh nghiệp năm 2011 giảm nhiều chủ yếu là do doanh thu bán máy giảm nhiều (doanh thu năm 2011 giảm 22 tỷ đồng (tương đương 112%) so với năm 2011 và giảm 77% so với kế hoạch). Thực tế trong năm 2012, tình hình sản xuất kinh doanh của ngành dệt may còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc giảm số lượng doanh nghiệp nước ngoài đầu tư mới vào thị trường Việt Nam, cũng như giảm đầu tư mở rộng đối với doanh nghiệp trong nước, do đó Công ty không có nhiều hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị, điều này dẫn đến doanh thu bán máy của Công ty năm 2012 giảm đáng kể.

- Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn chưa hồi phục, mặc dù vậy, Công ty CP Mirae vẫn khẳng định được vị trí dẫn đầu trong việc cung cấp các sản phẩm Padding tại thị trường Việt Nam: theo đó, doanh thu mặt hàng Padding năm 2012 tăng 14 tỷ đồng (tương đương 6.0%) so với năm 2011.

- Doanh thu năm 2012 giảm dẫn đến lợi nhuận năm 2012 giảm, nhưng mức giảm không đáng kể (424 triệu đồng).

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	So sánh Thực hiện/kế hoạch
Doanh thu thuần (đồng)	506.10	348.10	68.78%
Vốn điều lệ (đồng)	325	344	106.01%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	58.30	3.50	6.00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11.52%	1.01%	8.73%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	17.97%	1.02%	5.66%

Trong năm 2012, tất cả các chỉ tiêu đều không đạt được kế hoạch đề ra. Đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, chỉ đạt 6% so với kế hoạch. Điều này là do Công ty đã không đo lường, dự báo được hết những khó khăn của nền kinh tế, kì vọng quá nhiều vào sự tăng trưởng của 2 lĩnh vực mới phát triển của Công ty là chăn, ga, gối đệm và kinh doanh máy móc thiết bị. Hội đồng quản trị sẽ rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn vai trò hoạch định, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

- *Danh sách ban điều hành:*

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP đến ngày 27.03.2013
1	Shin Young Sik	Tổng giám đốc	20.35%
2	Shin Dong Jin	Phó tổng giám đốc	0%
3	Kim Chul Soo	Phó tổng giám đốc	0.02%
4	Choi Young Ho	Phó tổng giám đốc	0.50%
5	Park Hee Sung	Phó tổng giám đốc	0%
6	Nguyễn Ngọc Liên	Kế toán trưởng	0.17%

– Lý lịch các thành viên ban điều hành:

• **Ông SHIN YOUNG SIK - Tổng giám đốc**

- Họ và tên : SHIN YOUNG SIK
- Hộ chiếu số: KN0878184; Ngày cấp: 17/8/2006; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1958
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321.974 170
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1978 – Năm 1987

Trường Sĩ quan lục quân Seoul

Năm 1978 – Năm 1984

Trường Quản lý kinh tế Seoul

Năm 1980 – Năm 1987

Trung úy quân đội Seoul

Năm 1987 – Năm 1997

Phó giám đốc Công ty MOOLSAM, Seoul, Hàn Quốc

Năm 1998 – Năm 2007

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc công ty TNHH Mirae Fiber Tech, Seoul, Hàn Quốc

Năm 2001 – tháng 9 năm 2007

Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mirae Fiber Hung Yên.

10/2007 đến nay

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ đến ngày 27/03/2013: 12.000.015 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 7.000.007 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 5.000.008 cổ phần

• **Ông SHIN DONG JIN – Phó tổng giám đốc**

- Họ và tên : SHIN DONG JIN
- Hộ chiếu số: 7172350; Ngày cấp: 05/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1966
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Daegu, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 169-12, Dae Bong Dong, Daegu, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0650 – 737 – 457
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác :

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1994 – Năm 2003

Nhân viên phòng kinh doanh, Công ty Viko Glowin

Năm 2004 – Nay

Thành viên hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mirae
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 27/03/2013: 0 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- **Ông KIM CHUL SOO – Phó tổng giám đốc**

- Họ và tên: KIM CHUL SOO
- Hộ chiếu số: KN0664913; ngày cấp: 2/7/2001; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1966
- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul. Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 101-1202. Dea-A Apt. Poong Nap Dong. Song Pa Gu. Seoul. Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0656 791 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1985 – Năm 1986

Nhân viên KOSDAQ. Phòng xuất hàng. Công ty World Wide Express & Tour

Năm 1986 – Năm 1989

Phục vụ Quân đội

Năm 1989 – Năm 1993

Phó giám đốc Công ty TNHH Poong Lim

Năm 1993 – Năm 1995

Phó giám đốc. phòng tài chính. Công ty Xây dựng và Điều hành máy móc

Năm 1995 – Năm 1997

Giám đốc Công ty TNHH Korea Symons

Tháng 11/1997 – Tháng 3/1998

Phó giám đốc. phòng kế toán. Công ty Korea Moolsan

Tháng 3/1998 – Tháng 7/2006

Trưởng phòng quản lý xuất nhập khẩu. Công ty Dong Yang Menics

Tháng 8/2005 – Tháng 5/2007

Giám Đốc Phòng quản lý Công ty Yeilbiotech

Tháng 9/2007– Nay

Phó Tổng Giám đốc CTCP Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 27/03/2013: 5.987 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 5.987 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

• **Ông CHOI YOUNG HO – Phó tổng giám đốc**

- Họ và tên: CHOI YOUNG HO
- Hộ chiếu số: SC2066027; ngày cấp: 24/4/2007; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/7/1968
- Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc
- Quê quán: Seoul, Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: Sinsigaji APT 905-806, 313 Sinjeong 1 – dong, Yang Cheon – gu, Seoul, Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : (+84) 0321 974 170
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1994 – Năm 2006

Trưởng phòng, phòng nghiên cứu công nghệ thực phẩm Seoul

Năm 2007 – nay

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mirae Fiber.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản– Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 27/03/2013: 171.085 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 171.085 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

• **Ông PARK HEE SUNG – Phó tổng giám đốc**

- Họ và tên: PARK HEE SUNG
- Hộ chiếu số: KR0122474; Ngày cấp: 24/06/2005; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/02/1973
- Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Dân tộc: Hàn Quốc

- Quê quán: 02-802 KUMHO APT PARKDAL - 2 DONG MANANGU ANYANG CITY KYONGGIDO KORI
- Địa chỉ thường trú: (Kumho Apt. 102-802) 149-1. Bakdal 2-dong. Manangu. Anyang-Si. Gyeonggi-Do. Hàn Quốc
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.791 038
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Quản lý
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1998 – Năm 2003

Trưởng phòng kinh doanh. Công ty Viko Glowin. Hàn Quốc

Năm 2003 – Nay

Giám đốc kinh doanh – Công ty Cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Thành viên hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - o Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Ông NGUYỄN NGỌC LIÊN – Kế toán trưởng

- Họ và tên: NGUYỄN NGỌC LIÊN
- Số CMTND: 145049620 cấp ngày 14/11/2006 tại Hưng Yên
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/08/1981
- Nơi sinh: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0321 3 974 170
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học - Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác**Chức vụ, đơn vị công tác**

Năm 1999 – Tháng 6/2004

Nhân viên kế toán, Công ty Cổ phần xây lắp Công nghiệp thực phẩm Hà Nội

Tháng 7/2004- Tháng 6/2007

Nhân viên kế toán công ty Cổ phần Hà Phát, Hưng Yên

Tháng 9/2007 – 2010
Fiber

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Mirae

Tháng 04/2011 – nay

Kế toán trưởng Công ty cổ phần Mirae

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Mirae
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ đến ngày 27/03/2013: 58.850 cổ phần
 - Trong đó:
 - o Sở hữu cá nhân: 58.850 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành : không có
- Số lượng cán bộ, nhân viên: tại thời điểm 31/12/2012, tổng số lao động trong Công ty là 464 người.
- Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc :

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

Công ty giải quyết đầy đủ kịp thời các chế độ khác đối với người lao động như chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ ốm đau thai sản, chế độ nghỉ hưu và chăm lo việc hiếu hỉ cho cán bộ công nhân viên... Bên cạnh đó, công ty luôn quan tâm giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/tuần với thời gian trung bình là 48 giờ/tuần. Mỗi ngày làm việc chia thành 2 ca, giờ làm việc gồm 8 tiếng làm chính và có thể 4 tiếng tăng ca tùy theo sức khỏe công nhân.

Hợp đồng lao động thông thường được ký theo lộ trình: 1-2 tháng thử việc, kỳ hạn 6 tháng, kỳ hạn 1 năm, dài hạn.

Công ty đặt trụ sở sản xuất tại Hưng Yên và Bình Dương, do vậy đối với công nhân viên ở xa nơi làm việc, Công ty có xe đưa đón tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công nhân viên Công ty.

- Chính sách tuyển dụng đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực, trong định hướng phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng tới các giải pháp về nhân lực:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về mọi mặt, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, lao động với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao;
- Xây dựng chế độ bồi dưỡng, thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp đối với đội ngũ chuyên gia trình độ cao. Công ty dự kiến lập quỹ tài chính, các loại giải thưởng, cải cách về chế độ tiền lương, chế độ cung cấp và tiếp cận thông tin, tạo mọi điều kiện vật chất, môi trường làm việc, các hoạt động chuyên môn và đời sống sinh hoạt cho đội ngũ tri thức, chuyên gia, nhân tài để họ yên tâm cống hiến tài năng trí tuệ phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Hàng năm tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí thích đáng để cử cán bộ công nhân viên có thành tích, triển vọng phát triển tốt và nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty trong những lĩnh vực cần thiết đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn tại Hàn Quốc;

- KIỆN TOÀN BỘ MÁY CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ THEO HƯỚNG TÍNH GIẢM TỐI ĐA, SẮP XẾP BIÊN CHẾ THEO CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ ĐÁP ỨNG NHU CẦU SẢN XUẤT KINH DOANH;
- TẤT CẢ CÁC CÔNG NHÂN VIÊN ĐƯỢC TUYỂN DỤNG PHẢI THÔNG QUA HÌNH THỨC THI TUYỂN CÓ QUY CHẾ RÕ RÀNG, KHÔNG TUYỂN DỤNG THÔNG QUA GIỚI THIỆU;
- ĐẢM BẢO ĐẦY ĐỦ CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CÁC CHẾ ĐỘ BẢO TRỢ KHÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG. THỰC HIỆN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VỚI MỌI THÀNH VIÊN TRONG CÔNG TY, TỔ CHỨC KÝ THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ GIỮA LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ CÔNG ĐOÀN CÔNG TY ĐỂ BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG.
- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**
 - Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Đối với cán bộ quản lý, Công ty xây dựng quy chế lương và được HĐQT phê duyệt. Lương của cán bộ quản lý gồm lương khoán theo chức danh, công việc và các khoản phụ cấp. Bên cạnh đó, Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Hàng năm, Công ty họp xét khen thưởng căn cứ vào danh sách đề nghị khen thưởng của các phòng ban Công ty.
 - Công ty có chính sách phúc lợi hợp lý đối với người lao động. Ngoài việc chi trợ cấp khó khăn, chi phong trào văn hoá thể thao, bồi dưỡng công nhân viên nhân dịp lễ, Tết, chi ủng hộ..., Công ty chi trả cho công nhân viên theo mức lương cố định là 14 tháng lương/năm. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức cho công nhân viên đi tham quan, du lịch hàng năm. Những chính sách trên đã khuyến khích động viên kịp thời, gắn bó người lao động với Công ty.

Chỉ tiêu	Năm 2012
Mức lương bình quân (đồng/ng/tháng)	2,725,448
Thu nhập bình quân (đồng/ng/tháng)	3,294,828

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Theo Nghị quyết số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/07/2012, Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty cổ phần Mirae đã thông qua phương án chào bán riêng lẻ 6.000.000 cổ phần cho Ông Shin Young Sik và Bà Lim Jeong Yul để phục vụ cho nhu cầu hoạt động kinh doanh, bổ sung vốn lưu động và mở chi nhánh kinh doanh tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, trong năm 2012, do tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị Công ty đã chưa thể lựa chọn được thời điểm thích hợp để thực hiện phương án này. Hội đồng quản trị đã quyết định dời kế hoạch này sang năm 2013.

b. Các công ty con, công ty liên kết : không có

4. Tình hình tài chính:

a. *Tình hình tài chính:*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	623,593,517,835	620,922,528,075	-0.43%
Doanh thu thuần	361,487,224,021	348,072,856,352	-3.71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,403,254,084	1,839,544,370	-45.95%
Lợi nhuận khác	4,711,350,523	360,428,228	-92.35%
Lợi nhuận trước thuế	8,114,604,607	2,199,972,598	-72.89%
Lợi nhuận sau thuế	3,937,054,915	3,513,178,305	-10.77%

b. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
H/s thanh toán ngắn hạn : TSLĐ/Nợ NH	2.19	2.12	
H/s thanh toán nhanh: (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ	1.51	1.00	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
H/s Nợ/Tổng TS	3.12	1.89	
H/s Nợ/Vốn chủ sở hữu	243.19	190.43	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:	1.50	1.92	
Vòng quay hàng tồn kho :	1.71	1.77	
Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	0.58	0.58	
Doanh thu thuần / Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	28.99%	0.281	
HS Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	96.17%	0.985	
HS Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	3.83%	0.015	
HS Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0.41	0.391	
HS LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	1.56%	0.004	

5. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**a. *Cổ phần:*

Tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty là : 34.398.222 cổ phần.

Trong đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là : 0

b. Cơ cấu cổ đông:

S	Cơ cấu vốn	Số lượng c	Giá trị	Tỷ lệ
I.	TRONG NƯỚC	20,008,190	200,081,900,000	58.17%
1	Cá nhân	18,096,423	180,964,230,000	52.61%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	-	-	0.00%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	18,096,423	180,964,230,000	52.61%
2	Tổ chức	1,911,767	19,117,670,000	5.56%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	-	-	0.00%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	1,911,767	19,117,670,000	5.56%
II.	NUỚC NGOÀI	14,388,598	143,885,980,000	41.83%
1	Cá nhân	9,363,834	93,638,340,000	27.22%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	7,000,007	70,000,070,000	20.35%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	2,363,827	23,638,270,000	6.87%
2	Tổ chức	5,024,764	50,247,640,000	14.61%
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	5,000,008	50,000,080,000	14.54%
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	24,756	247,560,000	0.07%
III.	CỔ PHIẾU QUỸ	1,434	14,340,000	0.00%
	Tổng cộng	34,398,222	343,982,220,000	100.00%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 6 năm 2012, Công ty đã phát hành 1.947.035 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu nâng tổng vốn điều lệ của Công ty từ 324.511.870.000 đồng lên thành 343.982.220.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các chứng khoán khác: không có

II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Doanh thu năm 2012 đạt 68.78% so với kế hoạch và giảm 3.7% so với năm 2011, lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 6.00% so với kế hoạch và giảm 10.26% so với năm 2011 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu giảm so với năm 2012 là do: năm 2012, nền kinh tế thế giới cũng như trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là thị trường tiêu thụ trong nước đối với mặt hàng chăn, ra, gối, nệm cao cấp bị giảm nhiều, cũng như các doanh nghiệp cùng ngành khác, doanh thu bán mặt hàng hàng chăn, ra, gối, nệm của doanh nghiệp cũng bị giảm 10 tỷ đồng tương đương 31% so với năm 2011. Doanh thu của doanh nghiệp năm 2012 giảm nhiều chủ yếu là do doanh thu bán máy giảm nhiều (doanh thu năm 2012 giảm 22 tỷ đồng (tương đương 112%) so với năm 2011 và giảm 77% so với kế hoạch). Thực tế trong năm 2012, tình hình sản xuất kinh doanh của ngành dệt may còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc giảm số lượng doanh nghiệp nước ngoài đầu tư mới vào thị trường Việt Nam, cũng như giảm đầu tư mở rộng đối với doanh nghiệp trong nước, do đó Công ty không có nhiều hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị, điều này dẫn đến doanh thu bán máy của Công ty năm 2012 giảm đáng kể.
- Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn chưa hồi phục, mặc dù vậy, Công ty CP Mirae vẫn khẳng định được vị trí dẫn đầu trong việc cung cấp các sản phẩm Padding tại thị trường Việt Nam: theo đó, doanh thu mặt hàng Padding năm 2012 tăng 14 tỷ đồng (tương đương

6.0%) so với năm 2011.

- Doanh thu năm 2012 giảm dẫn đến lợi nhuận năm 2012 giảm, nhưng mức giảm không đáng kể (424 triệu đồng).

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 không hoàn thành kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do Ban Giám Đốc đã không đo lường, dự đoán chính xác về tình hình khó khăn của nền kinh tế năm 2012, đặc biệt là sức tiêu thụ thị trường dệt may xuất khẩu, nội địa, cũng như sức mua của thị trường nội địa, đã đề ra chỉ tiêu kế hoạch quá cao cho các mặt hàng mới phát triển, không phải là mặt hàng chủ lực của Công ty là chăn, ra, gói, nệm và máy móc thiết bị.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn chung của khủng hoảng kinh tế toàn cầu chưa hồi phục, Ban Giám Đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất bằng một số chính sách như: Cắt giảm nhân sự, cơ cấu lại bộ máy quản lý, nhân sự, đánh giá, hoàn thiện qui trình sản xuất nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.

2. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	31/12/2012 (đã kiểm toán)	31/12/2011 (đã kiểm toán)	Tăng/giảm	
			Số tiền	%
Tài sản ngắn hạn	364,303,959,721	381,604,184,549	(17,300,224,828)	-4.53%
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,117,013,689	3,347,536,174	5,769,477,515	172.35%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			-	
Các khoản phải thu ngắn hạn	136,671,140,379	240,526,362,588	(103,855,222,209)	-43.18%
Hàng tồn kho	193,022,624,268	118,768,867,682	74,253,756,586	62.52%
Các tài sản ngắn hạn khác	25,493,181,385	18,961,418,105	6,531,763,280	34.45%
Tài sản dài hạn	256,618,568,354	241,989,333,286	14,629,235,068	6.05%
Các khoản phải thu dài hạn			-	
Tài sản cố định	213,104,952,540	195,016,684,115	18,088,268,425	9.28%
Bất động sản đầu tư			-	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-	
Các tài sản dài hạn khác	43,513,615,814	46,972,649,171	(3,459,033,357)	-7.36%
TỔNG TÀI SẢN	620,922,528,075	623,593,517,835	(2,670,989,760)	-0.43%
Các khoản nợ ngắn hạn	172,006,247,280	173,883,102,469	(1,876,855,189)	-1.08%
Các khoản vay ngắn hạn	112,191,274,083	113,559,807,598	(1,368,533,515)	-1.21%
Phải trả người bán	20,054,017,155	21,510,472,578	(1,456,455,423)	-6.77%
Nợ ngắn hạn khác	39,760,956,042	38,812,822,293	948,133,749	2.44%
Các khoản nợ dài hạn	2,545,364,500	6,922,734,551	(4,377,370,051)	-63.23%
Vay và nợ dài hạn	2,545,364,500	5,777,977,200	(3,232,612,700)	-55.95%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		15,379,972	(15,379,972)	-100.00%
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1,129,377,379	(1,129,377,379)	-100.00%
Vốn chủ sở hữu	446,370,916,295	442,787,680,815	3,583,235,480	0.81%
Vốn điều lệ	343,982,220,000	324,511,870,000	19,470,350,000	6.00%
Thặng dư vốn cổ phần	72,198,102,374	72,198,102,374	-	0.00%
Cô phiếu quỹ	(13,458,213)	(5,078,213)	(8,380,000)	165.02%
Các quỹ thuộc VCSH	13,443,530,531	12,852,972,293	590,558,238	4.59%
Lợi nhuận chưa phân phối	16,760,521,603	33,229,814,361	(16,469,292,758)	-49.56%
Nguồn kinh phí và Quỹ khác			-	
TỔNG NGUỒN VỐN	620,922,528,075	623,593,517,835	(2,670,989,760)	-0.43%

a. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2012 giảm 0.43% so với năm 2011. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 4.53% và tài sản dài hạn tăng 6.05%, chi tiết cụ thể như sau:

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 43.18%, trong năm 2012 Công ty đã thực hiện tốt việc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ phải thu khó đòi trong đó giảm đáng kể là khoản phải thu từ Công ty Mirae Fiber Tech. Tài sản ngắn hạn khác tăng 34.45% chủ yếu là do thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tăng tương đương 10 tỷ đồng, cần nhanh chóng lập hồ sơ hoàn thuế để kịp thời hoàn khoản tiền thuế giá trị gia tăng nhằm tăng khả năng thanh toán nhanh cho Công ty.

- Khoản mục hàng tồn kho của Công ty tăng 62.52% làm cho khả năng thanh toán nhanh của công ty giảm đáng kể, hàng tồn kho trong năm 2012 tăng chủ yếu là do Công ty nhập khẩu máy móc thiết bị là hàng hóa để chuẩn bị cho kế hoạch đẩy mạnh doanh thu bán hàng máy móc thiết bị phục vụ cho ngành may mặc trong năm 2013, tuy nhiên Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc tìm kiếm các hợp đồng bán máy móc thiết bị nhằm nhanh chóng giảm lượng hàng tồn kho mặt hàng máy móc. Bên cạnh đó, Công ty cần xem xét lại lượng tồn kho an toàn của các mặt hàng khác từ nguyên vật liệu đến thành phẩm, sao cho lượng tồn kho ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo khả năng đáp ứng kịp thời cho sản xuất nhằm giảm thấp phí tổn cơ hội về vốn và giảm thiểu tối đa chi phí tồn trữ hàng tồn kho. Khoản mục tài sản cố định tăng 18 tỷ đồng, trong năm Công ty đầu tư mua sắm thêm một số dây chuyền máy móc thiết bị nhằm đổi mới công nghệ và tăng năng suất sản xuất.

b. Tình hình nợ phải trả

Các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn trong năm 2012 giảm không đáng kể so với năm 2011.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Năm 2012, Công ty đã có những cải tiến đáng kể về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý: Công ty đã có chính sách thay đổi cơ cấu nhân sự nhằm cắt giảm tối đa chi phí nhân công, cụ thể: Công ty đã cắt giảm nhân sự dư thừa ở một số bộ phận, đồng thời sắp xếp lại công việc cho các cán bộ, công nhân viên còn lại sao cho làm việc có hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Nâng cao chất lượng sản phẩm của các mặt hàng chủ lực: Padding và Quilting:
 - o Nâng cấp hệ thống dây chuyền sản xuất với việc đầu tư mua mới các máy móc thiết bị hiện đại.
 - o Hiện đại hóa quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng tại các nhà xưởng để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Quản lý và tiết kiệm chi phí ngày một hiệu quả hơn: rà soát lại và xây dựng các định mức chi phí hợp lý, thường xuyên phân tích các biến động chi phí để có thể điều chỉnh kịp thời, khuyến khích toàn thể nhân viên ý thức và thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới phân phối cho sản phẩm chăn, ga, gối mang thương hiệu VivaBon tại Miền Bắc: Tiếp tục thực hiện chiến lược marketing về thương hiệu VivaBon để thâm nhập thị trường. phát triển việc sản xuất mặt hàng này tại Chi nhánh Hưng Yên để giảm chi phí cho sản phẩm khi thâm nhập vào thị trường Miền Bắc.
- Tại khu vực Miền Nam và Miền Trung là nơi doanh nghiệp đã có vị thế nhất định tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp sản phẩm và bảo hành sản phẩm để giữ vững lượng khách hàng hiện có và mở rộng mạng lưới sản phẩm để cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác. Đa dạng hóa chủng loại hàng hóa để có thể hướng đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.
- Đẩy mạnh sản xuất và cung cấp sản phẩm máy sản xuất nệm và máy sản xuất tấm gòn bằng cách tăng cường công tác marketing, chủ động liên hệ, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng. Đồng thời đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân giỏi để có thể đảm bảo chất lượng sản phẩm, cũng

nhu dịch vụ bảo hành bảo trì, cho khách hàng. Nghiên cứu việc sản xuất , lắp đặt máy chần gòn và máy sản xuất nguyên liệu sợi mà thị trường đang có nhu cầu rất lớn.

5. Giải trình của Ban Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Mirae Fiber Tech tại Hàn Quốc với số tiền 23,47 tỷ đồng, nếu công ty trích lập dự phòng khoản phải thu này theo qui định thì lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của công ty sẽ giảm đi tương ứng 23,47 tỷ đồng. Công ty đã nhận được cam kết cụ thể về việc thanh toán khoản nợ phải thu khó đòi nêu trên từ phía Công ty Mirae Fiber Tech, đây chính là cơ sở cho việc Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi trên vào báo cáo tài chính năm 2012.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

- Năm 2012 là năm Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong 10 năm liên tiếp. Đây là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, từ những khó khăn kinh tế vĩ mô đến những khó khăn của các doanh nghiệp.
- Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mirae tiếp tục trải qua một năm khó khăn và đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng. Tất cả các chỉ tiêu đều không đạt được kế hoạch đề ra trước đó.
- Doanh thu tất cả các mặt hàng của Công ty không tăng trưởng và giảm đáng kể về sản lượng. Đặc biệt là mặt hàng chăn, ra, gối, đệm và máy móc thiết bị. Công ty đã kỳ vọng rất nhiều vào sự phát triển của hai lĩnh vực này. Thế nhưng, một phần vì ảnh hưởng của sự khó khăn chung của nền kinh tế với sự suy giảm cầu tiêu dùng cũng như đầu tư máy móc thiết bị, một phần vì các chính sách phát triển của Công ty chưa hiệu quả nên doanh thu của hai mặt hàng này đã giảm mạnh. Và kết quả là lợi nhuận của Công ty cũng đã giảm 10% so với năm 2012.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty :

- Ban giám đốc Công ty đã chấp hành tốt pháp luật, điều lệ hoạt động, qui chế quản trị và triển khai thực hiện đúng định hướng, nhanh chóng, linh hoạt và hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
- Ban giám đốc công ty đã báo cáo một cách trung thực, chính xác và kịp thời mọi mặt hoạt động của Công ty đến Hội đồng quản trị.
- Trong bối cảnh khó khăn, Ban giám đốc đã mạnh dạn cơ cấu lại nhân sự, xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý tinh gọn, hiệu quả, góp phần tiết kiệm chi phí cho Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

- Tiếp tục phát triển các mặt hàng chủ lực của Công ty là padding và quilting. Đầu tư cải tiến công nghệ, máy móc thiết bị để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Xây dựng kế hoạch marketing hiệu quả hơn cho các mặt hàng chăn, ra, gối, nệm và sản xuất máy móc thiết bị. Tiếp tục nâng cao hình ảnh và giá trị thương hiệu Vivabon tại thị trường miền Trung và miền Bắc. Đầu tư nghiên cứu sản xuất máy chần gòn và sợi fiber.
- Thường xuyên đánh giá và rà soát chi phí sản xuất kinh doanh để đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả, tiết kiệm tối đa các nguồn lực.
- Tiếp tục hoàn thiện bộ nhân sự của Công ty sao cho đảm bảo gọn nhẹ; đội ngũ cán bộ nhân viên phải chuyên nghiệp, làm việc phải có hiệu quả và đạt chất lượng phục vụ cao.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Stt	Danh sách	Chức vụ	Tham gia điều hành	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại 31.12.2011	Chức danh TV HĐQT tại các
1	Shin Young Sik	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc	34,89%	Không có
2	Shin Dong Jin	Thành viên HĐQT	Phó tổng giám đốc	-	Không có
3	Kim Chul Soo	Thành viên HĐQT	Phó tổng giám đốc	0,02%	Không có
4	Choi Young Ho	Thành viên HĐQT	Phó tổng giám đốc	0,5%	Không có
5	Park Hee Sung	Thành viên HĐQT	Phó tổng giám đốc	-	Không có
6	Lim Jeong Yul	Thành viên HĐQT	Không tham gia điều hành	4,97%	Không có
7	Lee Eun Won	Thành viên HĐQT	Không tham gia điều hành	-	Không có
8	Kim In Sou	Thành viên HĐQT	Không tham gia điều hành	-	Không có

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hiện nay Công ty chưa có các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Stt	Số nghị quyết, quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2012/NQ-HĐQT	09.03.2012	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2012
02	02/2012/QĐ-HĐQT	02.05.2012	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
03	03/2012/QĐ-HĐQT	12.05.2012	Mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng Bản Việt
04	04/2012/QĐ-HĐQT	23.07.2012	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm.
05	05/2012/QĐ-HĐQT	13.12.2012	Bổ sung tài sản thế chấp tại ngân hàng Vietinbank.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, góp phần ban hành những nghị quyết, chủ trương, định hướng hoạt động cho Công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : không có

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

Stt	Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại 31.12.2011
1	Huỳnh Công Khanh	Trưởng Ban kiểm soát	0
2	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	0
3	Lê Thị Ý Nhi	Thành viên HĐQT	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã có những cuộc họp trước khi Đại hội đồng cổ đông họp thường niên để thống nhất Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông, các ý kiến đề xuất với Hội đồng quản trị và vấn đề lựa chọn công ty kiểm toán do Hội đồng quản trị lựa chọn. Ban kiểm soát cũng đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và có sự trao đổi thường xuyên

nội bộ cũng như với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù Lao	Tổng
Shin Young Sik	Chủ tịch HĐQT	1,411,361,467	234,137,155	36,000,000	1,681,498,622
Shin Dong Jin	TV HĐQT	548,688,990	92,314,324	36,000,000	677,003,314
Kim Chul Soo	TV HĐQT	496,128,092	79,726,174	36,000,000	611,854,266
Lee Eun Won	TV HĐQT	218,439,829	31,463,250	36,000,000	285,903,079
Choi Young Ho	TV HĐQT	334,032,241	68,758,800	36,000,000	438,791,041
Park Hee Sung	TV HĐQT	286,210,271	56,257,200	36,000,000	378,467,471
Kim In Sou	TV HĐQT	323,961,361	37,504,800	36,000,000	397,466,161
Lim Jeong Yul	TV HĐQT	-	-	36,000,000	36,000,000
Huỳnh Công Khanh	Trưởng BKS	96,200,649	9,288,000	24,000,000	129,488,649
Nguyễn Thanh Bình	TV BKS	98,224,008	10,262,000	24,000,000	132,486,008
Lê Thị Ý Nhi	TV BKS	86,406,290	11,734,000	24,000,000	122,140,290
Tổng cộng		3,899,653,199	631,445,703	360,000,000	4,891,098,902

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Mirae Fiber Tech Co. LTD	CĐSL	5.562.414	17,14%	5.000.008	14,54%	Cổ phiếu thưởng : 333.744 cp Bán ra: 1.180.683 Mua vào: 284.533
2	Shin Young Sik	CĐSL	6.982.847	21,52%	7.000.007	20,35%	Cổ phiếu thưởng : 418.970 cp. Bán ra: 401.810 cp
3	Lim Jeong Yul	CĐSL	1.613.908	4,97%	1.710.741	4,97%	Cổ phiếu thưởng
4	Shin Sang Myung	Vợ ông Choi Young Ho	194.987	0,60%	206.686	0,60%	Cổ phiếu thưởng
5	Choi Young Ho	Thành viên HĐQT	161.401	0,50%	171.085	0,50%	Cổ phiếu thưởng
6	Kim Chul Soo	Thành viên HĐQT	5.649	0,02%	5.987	0,02%	Cổ phiếu thưởng
7	Nguyễn Ngọc Liên	Kê Toán Trưởng	55.519	0,17%	58.850	0,17%	Cổ phiếu thưởng
8	Nguyễn Thị Xuân Thảo	Người được ủy quyền CBTT	335.551	1,03%	28.714	0,08%	Cổ phiếu thưởng: 20.133 cp Bán ra: 326.970 cp

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Bán hàng cho Mirae Fiber Tech: 4.976.384.053 đồng
- Mua hàng từ Mirae Fiber Tech: 127.737.639.254 đồng

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty tuân thủ các quy định về quản trị Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mirae (gọi tắt là (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25/03/2013. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày theo các nguyên tắc kế toán, Luật kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán quốc tế được chấp nhận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các qui định hiện hành; ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình lập báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không. Chúng tôi đã tiến hành lập kế hoạch kiểm toán nhằm đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công việc kiểm toán của Chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế xử lý kế toán

Tại thời điểm khóa sổ 31/12/2012, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Mirae Fiber Tech tại Hàn Quốc là cổ đông lớn. Theo ước tính của Chúng tôi, nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng khoản phải thu này theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính thì “Các khoản phải thu ngắn hạn” mã số 130 và “Vốn chủ sở hữu” mã số 400 trên Bảng cân đối kế toán sẽ thấp hơn 23,47 tỷ đồng, đồng thời “Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh” mã số 30 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cũng giảm đi tương ứng 23,47 tỷ đồng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mirae kèm theo đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)

Nguyễn Hồng Chuẩn

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 1214/KTV

Trịnh Thị Ánh Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1434/KTV

Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: B01-DN
 Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Tài sản	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364.303.959.721	381.604.184.549
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	9.117.013.689	3.347.536.174
1	Tiền	111		9.117.013.689	3.347.536.174
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.671.140.379	240.526.362.588
1	Phải thu khách hàng	131	4	119.134.703.443	205.451.571.578
2	Trả trước cho người bán	132	4	27.409.234.728	42.222.743.759
5	Các khoản phải thu khác	138	5	2.307.214.848	1.156.211.667
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(12.180.012.640)	(8.304.164.416)
IV	Hàng tồn kho	140	6	193.022.624.268	118.768.867.682
1	Hàng tồn kho	141		193.636.713.484	119.382.956.898
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(614.089.216)	(614.089.216)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		25.493.181.385	18.961.418.105
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		227.747.780	126.111.030
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.813.273.996	4.841.310.701
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	7	315.949.255	169.589.838
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		7.136.210.354	13.824.406.536
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		256.618.568.354	241.989.333.286
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		213.104.952.540	195.016.684.115
1	Tài sản cố định hữu hình	221	8	177.360.959.784	179.950.849.996
	- Nguyên giá	222		321.172.172.841	303.946.216.422
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(143.811.213.057)	(123.995.366.426)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	9	14.564.395.499	14.986.051.095
	- Nguyên giá	228		17.333.443.200	17.318.443.200
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.769.047.701)	(2.332.392.105)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	21.179.597.257	79.783.024
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258		8.400.000.000	8.400.000.000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn (*)	258		(8.400.000.000)	(8.400.000.000)
V	Tài sản dài hạn khác	260		4.930.269.673	46.972.649.171
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	12	341.495.528	775.286.488
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.479.306.741	1.997.290.968
3	Tài sản dài hạn khác	268		109.467.404	104.818.974
VI	Lợi thế thương mại	269	13	38.583.346.141	44.095.252.741
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		620.922.528.075	623.593.517.835

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-DN
Đơn vị tính: VNĐ

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		174.551.611.780	180.805.837.020
I	Nợ ngắn hạn	310		172.006.247.280	173.883.102.469
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	14	112.191.274.083	113.559.807.598
2	Phải trả người bán	312	15	20.054.017.155	21.510.472.578
3	Người mua trả tiền trước	313	15	2.226.493.814	5.904.900.410
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16	26.669.292.681	22.019.135.838
5	Phải trả người lao động	315		2.690.314.726	3.639.024.229
6	Chi phí phải trả	316	17	1.347.051.191	744.565.199
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	3.314.004.604	2.283.566.621
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.513.799.027	4.221.629.996
II	Nợ dài hạn	330		2.545.364.500	6.922.734.551
4	Vay và nợ dài hạn	334	19	2.545.364.500	5.777.977.200
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	15.379.972
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.129.377.379
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446.370.916.295	442.787.680.815
I	Vốn chủ sở hữu	410	20	446.370.916.295	442.787.680.815
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		343.982.220.000	324.511.870.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		72.198.102.374	72.198.102.374
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(13.458.213)	(5.078.213)
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.975.083.403	4.778.230.657
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.234.223.564	4.037.370.818
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.234.223.564	4.037.370.818
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.760.521.603	33.229.814.361
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		620.922.528.075	623.593.517.835

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Ngoại tệ các loại	007	USD	249.093,36	278.555,07
		007	EUR	286,72	286,48

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Mẫu số: B02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	21	349.395.191.576	363.539.549.649
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	22	1.322.335.224	2.052.325.628
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	348.072.856.352	361.487.224.021
4	Giá vốn hàng bán	11	24	279.613.568.239	294.660.638.254
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.459.288.113	66.826.585.767
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.514.402.772	13.887.464.102
7	Chi phí tài chính	22	26	25.668.018.083	23.465.728.385
	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	16.868.121.336	15.750.944.151
8	Chi phí bán hàng	24		23.200.062.441	26.265.429.335
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.266.065.991	27.579.638.065
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.839.544.370	3.403.254.084
11	Thu nhập khác	31		1.518.191.035	8.737.315.568
12	Chi phí khác	32		1.157.762.807	4.025.965.045
13	Lợi nhuận khác	40		360.428.228	4.711.350.523
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.199.972.598	8.114.604.607
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.184.190.038	1.765.113.250
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.497.395.745)	2.412.436.442
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	3.513.178.305	3.937.054.915
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	28	105	109

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Mẫu số: B03-DN
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.199.972.598	8.114.604.607
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định (*)	02	21.352.925.425	21.455.363.522
- Các khoản dự phòng	03	3.875.848.224	2.985.881.579
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(55.833.723)	9.134.038.904
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	19.763.691	(44.258.276)
- Chi phí lãi vay	06	16.868.121.336	15.750.944.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	43.847.550.880	57.396.574.487
- (Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	92.744.332.588	(14.955.699.812)
- (Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10	(74.253.756.586)	(33.683.998.409)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	2.304.656.910	6.905.733.604
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	5.844.060.810	907.774.335
- Lãi tiền vay đã trả	13	(16.889.508.306)	(15.663.919.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.731.110.880)	(1.495.505.281)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	173.316.515	1.732.654.436
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.120.438.415)	(15.939.038.153)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.332.350.187	(14.795.424.393)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH	21	(40.324.101.985)	(1.281.562.873)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	22	327.272.727	852.702.400
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27	33.894.146	75.901.737
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.962.935.112)	(352.958.736)
III. Lưu chuyển từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31	-	4.695.712.736
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	235.603.879.590	253.118.693.697
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(240.205.025.805)	(253.915.615.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.601.146.215)	3.898.790.845
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.768.268.860	(11.249.592.284)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.347.536.174	14.133.026.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.208.655	464.102.401
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.117.013.689	3.347.536.174

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
SHIN YOUNG SIK